

KHẢ NĂNG TIẾP CẬN TÍN DỤNG NGÂN HÀNG CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TỈNH THÁI NGUYÊN GIAI ĐOẠN 2013 - 2017

● NGUYỄN THU THỦY - NGUYỄN XUÂN DIỆP

TÓM TẮT:

Năm 2017, có 1.004 doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên được vay vốn ngân hàng (NH) với số tiền đạt 24.254 tỷ đồng - con số đã phản ánh phần nào những chuyển biến trong thị trường vốn của tỉnh. Tuy nhiên, số lượng doanh nghiệp (DN) vay được vốn chỉ chiếm hơn 30% tổng số DNNVV đang hoạt động tại tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy, bài viết tìm hiểu các nguyên nhân khiến các DNNVV trên địa bàn khó tiếp cận được nguồn vốn của NH, để từ đó có những đề xuất cụ thể nhằm nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng NH của DNNVV.

Từ khóa: Tiếp cận tín dụng, doanh nghiệp nhỏ và vừa, dư nợ cho vay, tỉnh Thái Nguyên.

1. Đặt vấn đề

Nguồn vốn có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển của các DNNVV đặc biệt là nguồn tín dụng NH. Tuy nhiên, mức độ tiếp cận vốn còn thấp khi có đến 80% DNNVV có nhu cầu vay vốn, nhưng chỉ có hơn 30% DN vay được vốn NH (Cục Phát triển doanh nghiệp, 2017). Các DNNVV tại tỉnh Thái Nguyên cũng không ngoại lệ, mặc dù những năm gần đây Chính phủ, NH và bản thân DN đã có nhiều đổi mới nhằm nâng cao số lượng và quy mô vay vốn tại NH. Trong bài viết, nhóm tác giả sẽ tiến hành đánh giá tình hình tiếp cận tín dụng của các DNNVV tỉnh Thái Nguyên thời gian qua, mức độ tiếp cận, kết quả đạt được và nguyên nhân của những tồn tại. Từ đó, chỉ ra một số hướng đi cần thiết trong tương lai nhằm tăng cường khả

năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng NH của DNNVV tỉnh Thái Nguyên.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Thu thập số liệu thứ cấp

Bài viết sử dụng toàn bộ nguồn số liệu thứ cấp từ báo cáo của các NHTM trên địa bàn tỉnh; Công văn, báo cáo của NH Nhà nước, Thông tin từ các văn bản Luật; Giáo trình, đề tài, bài báo liên quan nhằm tổng hợp, tính toán các kết quả từ đó đánh giá mức độ tiếp cận tín dụng NH của DNNVV để có những giải pháp phù hợp.

2.2. Phân tích và xử lý số liệu

Bài viết sử dụng linh hoạt các phương pháp xử lý và phân tích số liệu, gồm: Phân tổ thống kê, đồ thị, thống kê mô tả, so sánh nhằm tổng hợp và đánh giá mức độ biến động của các chỉ tiêu như:

huy động vốn, dư nợ, nợ xấu của DNNVV tại NH qua các năm, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của DNNVV, NH.

2.3. Các chỉ tiêu phân tích

Tốc độ phát triển bình quân (\bar{t}): là trị số bình quân của các tốc độ phát triển liên hoàn trong cả kỳ nghiên cứu (Nguyễn Quan Dong, 2012).

$$\bar{t} = \sqrt[n-1]{\frac{y_n}{y_1}}$$

Dư nợ tín dụng phân theo: Số lượng DNNVV vay được vốn tại các NHTM theo thời gian; Số vốn vay được của DNNVV từ NHTM theo thời gian. Có thể phân chia dư nợ theo quy mô DN, loại hình DN hoặc ngành nghề kinh tế, thời hạn vay... để có những phân tích sự khác biệt trong sự tiếp cận nguồn vốn tín dụng NH của DNNVV (Phan Thị Thu Hà, 2013).

Tỷ trọng dư nợ của DNNVV trong năm

$$= \frac{\text{Dư nợ của DNNVV trong năm}}{\text{Tổng dư nợ năm}} * 100\%$$

Tỷ lệ DNNVV vay được vốn/tổng DNNVV đang hoạt động * 100%

$$\text{Tỷ trọng nợ xấu của DNNVV} = \frac{\text{Nợ xấu cho vay của DNNVV}}{\text{Dư nợ của DNNVV}} * 100\%$$

$$\text{Tỷ trọng nợ xấu của DNNVV} = \frac{\text{Nợ xấu cho vay của DNNVV}}{\text{Nợ xấu của ngân hàng}} * 100\%$$

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Thực trạng hoạt động tiếp cận tín dụng NH của DNNVV trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên thời gian qua

3.1.1. Thực trạng tiếp cận tín dụng NH của DNNVV phân theo ngành nghề kinh tế

Dựa vào số liệu được tổng hợp từ Báo cáo hoạt động của NHNN và các chi nhánh NHTM tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2013 - 2017, tác giả nhận thấy số lượng DN vay được vốn và số tiền được vay đều có xu hướng tăng qua các năm, mặc dù có sự khác biệt giữa các ngành nghề kinh tế. Số DN được vay nhiều nhất hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ khoảng 60% số lượng DNNVV được vay vốn. Tiếp theo là DNNVV hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng nhưng đây là nhóm DN có tỷ lệ vốn vay được cao nhất trong 3 lĩnh vực với số vốn vay được đạt tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 51%/năm. DNNVV hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp vay được lượng vốn ít nhất tính cả theo quy mô và lượng vốn. Từ năm 2016, kết quả có khả quan hơn sau khi Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND về Chính sách hỗ trợ đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016 - 2020 của Tỉnh được ban hành. Tuy vậy, giá trị đạt được còn rất khiêm tốn do đặc thù ngành nghề và những cứng nhắc trong chính sách tín dụng của các NHTM. (Bảng 1).

Bảng 1. Dư nợ tín dụng ngân hàng của DNNVV tỉnh Thái Nguyên phân theo ngành nghề kinh tế giai đoạn 2013 - 2017

| Chỉ tiêu | | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 |
|------------------------|-------------------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
| Nông, lâm nghiệp | Số lượng DN được vay vốn (DN) | 3 | 3 | 3 | 3 | 5 |
| | Số vốn vay được (Triệu đồng) | 557.904 | 661.215,4 | 843.884,2 | 1.065.787,1 | 1.261.218,9 |
| Công nghiệp - Xây dựng | Số lượng DN được vay vốn (DN) | 237 | 234 | 245 | 283 | 354 |
| | Số vốn vay được (Triệu đồng) | 6.136.942,9 | 7.989.686,2 | 9.084.164,7 | 11.462.238 | 13.921.916 |
| Thương mại - Dịch vụ | Số lượng DN được vay vốn (DN) | 356 | 369 | 411 | 442 | 645 |
| | Số vốn vay được (Triệu đồng) | 4.463.231,2 | 5.124.419,4 | 6.618.699,2 | 7.581.164,5 | 9.071.074,4 |

Nguồn: Tổng hợp báo cáo hoạt động của các chi nhánh NHTM giai đoạn 2013 - 2017

3.1.2. Thực trạng tiếp cận tín dụng ngân hàng của DNNVV phân theo quy mô

Trong giai đoạn 2015 - 2017, hàng loạt các chính sách liên quan đến tín dụng cho DNNVV đã được UBND tỉnh và chi nhánh NHNN ban hành, nhờ đó đã mang lại kết quả khả quan: Số lượng vốn nhóm DN siêu nhỏ tiếp cận được tại các NHTM trên địa bàn tỉnh đạt trên dưới 15%/tổng dư nợ/năm cho vay đối với DNNVV của các NH. Tiếp theo là nhóm DN nhỏ với số vốn vay được dao động quanh mức 25 - 26%/tổng dư nợ/năm, do quy mô DN lớn hơn nên khả năng được NH chấp nhận cho vay vốn cũng cao hơn so với các DN siêu nhỏ. Nhóm DN vừa tiếp cận lượng vốn lớn nhất đạt khoảng 59%/tổng dư nợ/năm. Lượng tiền cho vay đối với DNNVV trong ngắn hạn thường lớn so với trung, dài hạn, kết quả được trình bày trong Bảng 2. Do tính chất khác nhau của các hình thức vay nên tùy vào mục đích vay mà DN lựa chọn vay ngắn hạn hay dài hạn. Để hạn chế rủi ro trong giao dịch, các NHTM thường thích cho vay ngắn hạn hơn.

3.1.3. Thực trạng tiếp cận tín dụng NH của DNNVV tỉnh Thái Nguyên phân theo địa bàn

Hiện nay, tỉnh Thái Nguyên có 2 thành phố, 1 thị xã và 6 huyện trong đó: DNNVV tại thành phố Thái Nguyên có lượng vốn vay nhiều nhất đạt 6306094,5 triệu đồng chiếm 26%/tổng dư nợ, do có đến trên 55% số DNNVV nằm trên địa bàn thành phố. Tiếp theo là các huyện, thành phố có tốc độ phát triển khá và số lượng DNNVV đang hoạt động chiếm tỷ trọng cao như: Phổ Yên (17,5%/ tổng dư nợ), Sông Công (14%/ tổng dư

nợ). Huyện Võ Nhai và Định Hóa là hai huyện có số DNNVV ít nhất và tỷ lệ vay được vốn từ nguồn vốn NH cũng chiếm ít nhất chỉ 5%/ tổng dư nợ/huyện. (Biểu đồ 1).

3.2. Khả năng tiếp cận tín dụng NH của DNNVV tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2013 - 2017

3.2.1. Khả năng tiếp cận tín dụng NH dựa vào quy mô tín dụng

Dựa vào các kết quả thu thập các báo cáo hoạt động của các chi nhánh NHTM, NHNN, tác giả đã tính được 2 chỉ tiêu đánh giá khả năng tiếp cận tín dụng NH dựa vào các chỉ tiêu quy mô tại Bảng 3. Cụ thể: Tỷ lệ DNNVV vay được vốn/ tổng DNNVV đang hoạt động trong 5 năm qua có xu hướng tăng từ 29,6% năm 2013 lên 36% năm 2017 và tỷ trọng vốn vay của DNNVV/tổng dư nợ có tăng qua các năm và đạt khoảng hơn 50%. Giá trị này cho thấy, NH đã nhận thấy vai trò của DNNVV đối với kết quả kinh doanh của NH nên đã có những điều chỉnh tích cực trong chính sách tín dụng, đồng thời các DN đã rút ra nhiều kinh nghiệm trong khi vay vốn tại NH để hoàn thiện nhanh hơn các thủ tục vay vốn. Điều này khẳng định, khả năng tiếp cận tín dụng NH của DNNVV theo chỉ tiêu quy mô có xu hướng tăng - đây là kết quả tốt và cần phát huy trong thời gian tới. Tuy vậy, với gần 95% số lượng DN trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên là DNNVV thì những kết quả trên còn rất khiêm tốn. Điều này cho thấy trong tương lai, cả NH và DNNVV cần có nhiều hơn các biện pháp để tháo gỡ những rào cản khi DN tiến hành vay vốn tại NH. (Bảng 3).

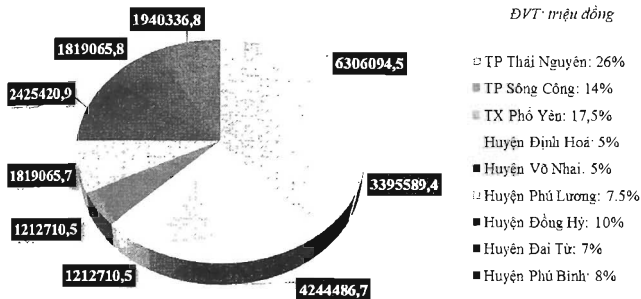
Bảng 2. Số lượng vốn vay ngân hàng của các DNNVV tỉnh Thái Nguyên phân theo thời gian và quy mô

Đơn vị tính: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | DN siêu nhỏ | | DN nhỏ | | DN vừa | | Tổng |
|----------|-------------|----------------|----------|----------------|----------|----------------|----------|
| | Ngắn hạn | Trung, dài hạn | Ngắn hạn | Trung, dài hạn | Ngắn hạn | Trung, dài hạn | |
| Năm 2013 | 850,0 | 661,3 | 1.517,8 | 1.322,6 | 3.703,5 | 3.103,0 | 11.158,1 |
| Năm 2014 | 1.131,4 | 872,6 | 2.036,5 | 1.620,5 | 4.374,8 | 3.739,6 | 13.775,3 |
| Năm 2015 | 1.668,2 | 909,1 | 2.600,4 | 1.649,8 | 5.544,3 | 4.175,0 | 16.546,7 |
| Năm 2016 | 1.894,6 | 1.148,1 | 3.033,6 | 2.340,4 | 6.349,1 | 5.343,3 | 20.109,2 |
| Năm 2017 | 2.430,4 | 1.280,6 | 3.914,8 | 2.473,8 | 8.207,9 | 5.946,8 | 24.254,2 |

Nguồn: Tổng hợp báo cáo hoạt động của các chi nhánh NHTM giai đoạn 2013 - 2017

Biểu đồ 1: Cơ cấu dư nợ cho vay DNNVV của các NHTM năm 2017 phân theo địa bàn



Nguồn: Báo cáo hoạt động ngân hàng năm 2017

Bảng 3. Một số chỉ tiêu phản ánh khả năng tiếp cận tín dụng NH dựa vào quy mô tín dụng NH của DNNVV tỉnh Thái Nguyên

| Chỉ tiêu | Năm | | | | | | |
|---|-----|---------|----------|----------|----------|----------|----------|
| | | ĐVT | 2013 | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 |
| Số lượng DNNVV vay được vốn | | DN | 595 | 606 | 659 | 729 | 1004 |
| Dư nợ đối với DNNVV | | Tỷ đồng | 11 158,1 | 13 775,3 | 16 546,7 | 20 109,2 | 24.254,2 |
| Tổng dư nợ của NHTM | | Tỷ đồng | 22.316,2 | 26.491,0 | 30.928,5 | 36.562,1 | 42 776,4 |
| Tỷ lệ DNNVV vay được vốn/ tổng DNNVV đang hoạt động | | % | 29,6 | 31,2 | 33,3 | 34,7 | 36 |
| Tỷ trọng vốn vay của DNNVV/tổng dư nợ | | % | 50 | 52 | 53,5 | 55 | 56,7 |

Nguồn: Tính toán của tác giả từ các báo cáo hoạt động của các chi nhánh NHTM

3.2.2. Khả năng tiếp cận tín dụng NH dựa vào chất lượng tín dụng

Trong Bảng 4 ta thấy, mức rủi ro khi cho DNNVV vay không cao, thấp hơn nhiều so với tỷ trọng nợ xấu của NH/tổng dư nợ. Hiện nay, khoảng 55% tổng dư nợ cho vay của NHTM tỉnh Thái Nguyên dành cho khối DNNVV, tỷ trọng nợ xấu của DNNVV/tổng nợ xấu của NH giảm dần mặc dù không nhiều, dao động quanh mức 18%/ năm - đây vẫn là con số tam chấp nhận, đặc biệt khi tổng nợ xấu của NH có xu hướng tăng nhưng nợ xấu của DNNVV giảm dần theo năm. Với những kết quả trên tác giả nhận thấy, chất lượng tín dụng của

DNNVV khá tốt và trong thời gian tới các chi nhánh NHTM tỉnh Thái Nguyên cần có các chính sách hỗ trợ tín dụng tốt hơn đối với khối DN này, hãy coi DN là nhóm khách hàng tiềm năng, khách hàng quan trọng của NH để có ưu đãi phù hợp. Hướng đi này sẽ giúp NH có hiệu quả kinh doanh tốt hơn trong tương lai. (Bảng 4).

3.3. Kết quả đạt được và những vấn đề tồn tại

3.3.1. Kết quả đạt được

Số lượng DNNVV tiếp cận nguồn vốn tín dụng NH có xu hướng gia tăng, đặc biệt có sự tăng trưởng mạnh trong năm 2017 khi có thêm gần 300 DNNVV vay được vốn NH so với năm 2016. Trong

Bảng 4. Một số chỉ tiêu phản ánh khả năng tiếp cận tín dụng NH dựa vào chất lượng tín dụng NH của DNNVV lĩnh Thái Nguyên

| Chỉ tiêu | Năm | ĐVT | 2013 | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 |
|--|-----|---------|----------|----------|----------|----------|----------|
| Nợ xấu của DNNVV | | Tỷ đồng | 121,1 | 118,8 | 116,8 | 115 | 113,4 |
| Tổng nợ xấu của NH | | Tỷ đồng | 610,1 | 618,3 | 615,9 | 634,2 | 657,1 |
| Tổng dư nợ của DNNVV | | Tỷ đồng | 11.158,1 | 13.775,3 | 16.546,7 | 20.109,2 | 24.254,2 |
| Tỷ trọng nợ xấu của NH/tổng dư nợ | | % | 1,37 | 1,35 | 1,31 | 1,27 | 1,24 |
| Tỷ trọng nợ xấu/tổng dư nợ DNNVV | | % | 1,08 | 0,86 | 0,71 | 0,57 | 0,47 |
| Tỷ trọng nợ xấu của DNNVV/tổng nợ xấu của NH | | % | 19,84 | 19,22 | 18,97 | 18,14 | 17,25 |

Nguồn: Tính toán của tác giả từ các báo cáo hoạt động của các chi nhánh NHTM

đó, DNNVV hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ được chấp thuận vay nhiều nhất 64%/tổng số DNNVV vay được vốn năm 2017.

Dư nợ tín dụng NH đối với DNNVV liên tục tăng trưởng khá trong thời gian qua, tốc độ tăng trưởng hàng năm bình quân giai đoạn 2013- 2017 đạt 21,4%/năm.

Nợ xấu của DNNVV có xu hướng giảm dần qua các năm. Trong năm 2017, tỷ trọng nợ xấu/tổng dư nợ DNNVV chiếm 0,47% và tỷ trọng nợ xấu của DNNVV/tổng nợ xấu của NH là 17,25% điều đó cho thấy khả năng trả nợ của các DNNVV khá tốt, mức độ an toàn cao khi NH cho DNNVV vay vốn.

3.3.2. Những vấn đề còn tồn tại

Tỷ lệ DNNVV vay được vốn chỉ chiếm 36% tổng số DNNVV đang hoạt động tại tỉnh Thái Nguyên, trong khi DNNVV chiếm 95% tổng số DN đang hoạt động tại địa bàn - đây là một hạn chế và cho thấy mức độ tiếp cận vốn còn ở mức trung bình.

Sự đa dạng trong các gói tín dụng của NH còn hạn chế và chỉ tập trung một số ngành nghề liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp hoặc ngành mũi nhọn, trong khi tại Thái Nguyên số lượng DN hoạt động trong lĩnh vực khai khoáng, công nghiệp nặng chiếm số lượng lớn.

3.3.3. Nguyên nhân của các tồn tại

Thiếu các dịch vụ hỗ trợ DNNVV như: đào tạo, tư vấn, thông tin... trong tiếp cận vốn cũng như phát triển DN.

Hồ sơ liên quan đến Báo cáo tài chính và lập phương án sản xuất kinh doanh còn cứng nhắc,

không linh hoạt, gây khó khăn khi DN hoàn thiện thủ tục dẫn đến việc phát sinh các chi phí không chính thức trong quá trình vay vốn.

Dự án, phương án đầu tư của nhiều DN có tính khả thi thấp, chạy theo mục tiêu lợi nhuận ngắn hạn nên cũng không có sức thuyết phục đối với ngân hàng. Mặt khác, khả năng lập dự án của các DNNVV rất hạn chế

Sự năng động và linh hoạt của một số chủ DN còn yếu nên hiểu biết về cơ chế, nắm bắt các chính sách mới, cũng như các gói tín dụng ưu đãi còn chậm.

Thủ tục vay vốn tại NH còn phức tạp, nhiều giấy tờ liên quan đòi hỏi DNNVV cần nhiều thời gian để có thể đáp ứng yêu cầu, đặc biệt là hồ sơ về tài sản đảm bảo, chứng minh quyền sở hữu giữa các nhân và DN.

4. Kết luận

Tình hình tiếp cận nguồn vốn tín dụng NH của DNNVV tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2013 - 2017 có nhiều khởi sắc khi số lượng DN được vay vốn tăng lên và dư nợ tín dụng cũng tăng đồng thời nợ xấu cũng có xu hướng giảm. Điều này chứng tỏ NH ngày càng quan tâm đến nhóm khách hàng DNNVV. Dư nợ tín dụng NH đối với DNNVV liên tục tăng trưởng khá trong thời gian qua, tốc độ tăng trưởng hàng năm bình quân giai đoạn 2013 - 2017 đạt 21,4%/năm. Khả năng trả nợ của các DNNVV khá tốt, mức độ an toàn cao khi NH cho DNNVV vay vốn. Tuy vậy, số lượng DNNVV được vay vốn còn hạn chế so với số DNNVV đang hoạt động, lượng vốn vay cũng chưa đáp ứng yêu cầu thực tế. Nhiều DN bị NH từ chối cho vay do không đáp ứng

các thủ tục cho vay. Nguyên nhân đến từ nhiều phía như: Chính phủ, ngân hàng và doanh nghiệp. Nhóm tác giả đã đề xuất một số giải pháp cụ thể nhằm tăng cường khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng NH của DNNVV như: Đơn giản hóa thủ tục

cho vay; Đa dạng hóa các loại hình cho vay; Xây dựng hệ thống thông tin hai chiều hiệu quả; Nâng cao năng lực của DNNVV; Tăng cường năng lực lập phương án sản xuất - kinh doanh và hoàn thiện báo cáo tài chính ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Báo cáo kết quả hoạt động của NHNN và các chi nhánh NHTM tỉnh Thái Nguyên năm 2013 - 2017.
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Cục Phát triển doanh nghiệp (2017), Báo cáo giữa kỳ tình hình thực hiện phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ giai đoạn 2015 - 2020, Hà Nội.
3. Nguyễn Quan Dong (2012), Giáo trình Kinh tế lượng, Nxb ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
4. Phan Thị Thu Hà (2013), Ngân hàng thương mại, Nxb ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
5. Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND về Chính sách hỗ trợ đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016 - 2020, ngày 09/12/2016 <https://thukyluat.vu/vb/quet-dinh-34-2016-qd-ubnd-chinh-sach-ho-tro-dac-thu-doanh-nghiep-dau-tu-nong-nghiep-thai-nguyen-2016-2020-52b4a.html> ngày truy cập 25/09/2017.

Ngày nhận bài: 17/3/2019

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 27/3/2019

Ngày chấp nhận đăng bài: 5/4/2019

Thông tin tác giả:

ThS. NGUYỄN THU THỦY - ThS. NGUYỄN XUÂN DIỆP

Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên

THE CREDIT ACCESSIBILITY OF SMALL AND MEDIUM-SIZED ENTERPRISES OPERATING IN THAI NGUYEN PROVINCE FROM 2013 - 2017

● Master. NGUYEN THU THUY

● Master. NGUYEN XUAN DIEP

University of Economics & Business Administration,
Thai Nguyen University

ABSTRACT:

In 2017, 1,004 small and medium-sized enterprises (SMEs) in Thai Nguyen province borrowed loans from bank with the total amount of 24,254 billion VND. This amount of loans partly reflected the change in the provincial capital market. However, the number of businesses that borrowed loans from banks only accounted for about 30% of the total number of SMEs operating in Thai Nguyen province. This article is to present difficulties of SMEs in accessing credit sources, thereby proposing solutions to improve the credit accessibility of SMEs.

Keywords: Credit accessibility, small and medium-sized enterprises, loan balance, Thai Nguyen province.